

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

**MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ
GÂY KHÓ KHĂN TRONG VIỆC HỌC KĨ NĂNG NGHE
CỦA SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN TIẾNG ANH TẠI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP HÀ NỘI
PHẠM MAI KHÁNH* - ĐỖ THANH LOAN****

TÓM TẮT: Nghe luôn được coi là một trong những kĩ năng quan trọng và khó nhất trong việc học tiếng Anh. Kĩ năng nghe tiếng Anh kém sẽ cản trở giao tiếp, gây khó khăn cho sự tiến bộ trong học tập và công việc, làm giảm sự tự tin và kĩ năng giao tiếp giữa các cá nhân, đồng thời hạn chế khả năng hiểu biết về các lĩnh vực khác nhau như lĩnh vực kĩ thuật đối với sinh viên thuộc khối ngành này. Bài viết này tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn trong việc học kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Kết quả nghiên cứu cho thấy các yếu tố này ảnh hưởng khá nhiều đến việc học kĩ năng nghe của sinh viên. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp để hỗ trợ sinh viên cải thiện kĩ năng nghe tiếng Anh và nâng cao khả năng giao tiếp tiếng Anh của họ.

TỪ KHÓA: kĩ năng nghe tiếng Anh; sinh viên không chuyên tiếng Anh; mức độ ảnh hưởng của các yếu tố; khó khăn; giải pháp.

NHẬN BÀI: 12/04/2024.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 12/06/2024

1. Đặt vấn đề

Nghe là một trong những kĩ năng quan trọng nhất trong việc học tiếng Anh. Theo Brown (2001), nghe là nền tảng cho tất cả các kĩ năng ngôn ngữ khác. Kĩ năng nghe tốt giúp người học giao tiếp hiệu quả, tiếp thu kiến thức hiệu quả trong học tập và công việc, đồng thời mở rộng cơ hội tiếp cận thông tin và hiểu biết về thế giới xung quanh. Đồng quan điểm trên, Luo (2008) và Krashen (1985) khẳng định nghe là kĩ năng quan trọng nhất trong giao tiếp và tiếp thu thông tin. Trong đó, Luo cho rằng nghe là kĩ năng chính trong giao tiếp xã hội và giúp con người tiếp nhận thông tin mới hơn là kĩ năng đọc. Tầm quan trọng của việc tiếp thu đủ thông tin đầu vào trong quá trình học ngôn ngữ cũng được Krashen đề cao. Theo ông, việc tiếp nhận đủ đầu vào này chỉ có thể thực hiện được thông qua việc nghe. Vì vậy, người học cần luyện tập kĩ năng nghe một cách thường xuyên và liên tục để giao tiếp hiệu quả, trôi chảy và tự nhiên.

Kĩ năng nghe được xem là kĩ năng khó nhất trong các kĩ năng ngôn ngữ, đối với sinh viên nói chung và sinh viên không chuyên tiếng Anh nói riêng. Khó khăn khi nghe tiếng Anh xuất phát từ nhiều yếu tố như giọng lạ, phát âm không rõ ràng, từ vựng không quen thuộc, tốc độ nói và cấu trúc ngữ pháp (Ulum, 2015). Việc khắc phục những khó khăn này cần có sự kiên trì, luyện tập thường xuyên và áp dụng phương pháp phù hợp. Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả tìm hiểu mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn trong việc học kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, từ đó đưa ra một số giải pháp giúp người học cải thiện kĩ năng nghe để nâng cao khả năng giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Anh.

2. Các khái niệm về kĩ năng nghe

2.1. Kĩ năng nghe

Nushi & Orouji (2020) cho rằng nghe là một hoạt động thường xuyên trong cuộc sống hàng ngày của người học ngoại ngữ. Trong khi đó, Rost (2013) khẳng định nghe là quá trình phức tạp cho phép con người hiểu được ngôn ngữ nói, đây không chỉ là một kĩ năng sống thiết yếu, giúp chúng ta tiếp nhận thông tin, giao tiếp hiệu quả mà còn giúp con người hiểu rõ thế giới xung quanh.

Gu (2018) lại cho rằng nghe là một quá trình chủ động tiếp nhận dữ liệu đầu vào và tạo ra ý nghĩa theo cách khác. Như vậy có thể thấy nghe là sự tương tác giữa người nói và người nghe để truyền đạt và hiểu các thông điệp hoặc thông tin.

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội:

**Email: khanhpm@hau.edu.vn; **Email: loandt@hau.edu.vn*

Cho dù là định nghĩa nào thì chúng ta đều thấy được tầm quan trọng và vai trò nền tảng của kỹ năng nghe trong việc giúp người học tiếp thu thông tin và giao tiếp hiệu quả.

2.2. Những khó khăn trong việc học kỹ năng nghe

Các nhà nghiên cứu đã đưa ra một số yếu tố có thể gây khó khăn trong việc hiểu bài nghe của người học ngoại ngữ.

Theo Yagang (1994), các vấn đề người học có thể gặp phải trong kỹ năng nghe hiểu gồm: nội dung, người nói, người nghe và môi trường. Nhận định này của ông tương tự với quan điểm của Lotfi (2012) - với sáu yếu tố: quá trình, đầu vào, người nghe, nhiệm vụ, ảnh hưởng và ngữ cảnh.

Quá trình (Process) là yếu tố phản ánh nhận thức của sinh viên về những vấn đề họ gặp phải trong quá trình nghe hiểu với các khía cạnh khác nhau. Quá trình này có nghĩa là người học sử dụng những cách thức khác nhau để hiểu nội dung bài nghe.

Đầu vào (Input) được định nghĩa là thông tin âm thanh bằng ngôn ngữ thứ hai mà người học tiếp nhận trong quá trình nghe.

Người nghe (Listener) là yếu tố thể hiện nhận thức của người học về đặc điểm của người nghe. Điều này có nghĩa là người học cần nhìn nhận và đánh giá những phẩm chất cần có để trở thành một người nghe tốt, chẳng hạn như: lắng nghe cẩn thận, hiểu thông tin, đặt câu hỏi và phản hồi tích cực.

Nhiệm vụ (Task) cho thấy nhận thức của người học về nhiệm vụ trong bài nghe. Nhiệm vụ nghe có nhiều mục đích khác nhau, đòi hỏi người học phải có các kỹ năng nghe khác nhau. Phản hồi của người học với nhiệm vụ nghe thể hiện mức độ hiểu và khả năng thực hiện nhiệm vụ của họ.

Ảnh hưởng (Affect) là những phản ứng cảm xúc trong nghe hiểu. Cảm xúc của người nghe có thể ảnh hưởng khả năng hiểu khi nghe của họ. Nếu người nghe đang cảm thấy buồn, họ có thể khó tập trung và ghi nhớ thông tin; hoặc, nếu người nghe đang cảm thấy tức giận, họ có thể hiểu sai ý của người nói.

Ngữ cảnh (Context) được định nghĩa là môi trường học tập trong nghe hiểu. Đây là yếu tố đóng vai trò quan trọng vì yếu tố này ảnh hưởng đến khả năng nghe hiểu của mỗi người.

Như vậy có thể thấy hiểu bài nghe là một quá trình nhận thức phức tạp, đòi hỏi sự tham gia tích cực của người nghe để giải mã thông điệp âm thanh. Người nghe cần hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng tới quá trình nghe hiểu và làm chủ được các yếu tố này, từ đó tiếp nhận thông tin trong bài nghe một cách hiệu quả.

2.3. Chiến lược nghe

Chiến lược nghe là những cách thức giúp người nghe giải quyết vấn đề và hiểu nội dung tốt hơn. Việc học và áp dụng các chiến lược này đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả và ý nghĩa của quá trình học tập. Theo Azmi, Celik, Yidliz và Tugrul (2014), có ba loại chiến lược nghe: nhận thức, siêu nhận thức và tình cảm xã hội.

- *Chiến lược nhận thức*: Chiến lược nhận thức liên quan đến việc hiểu và thu thập thông tin trong bộ nhớ ngắn hạn hoặc dài hạn để sử dụng sau này. Sự hiểu bắt đầu từ dữ liệu được tiếp nhận, dữ liệu này được phân tích theo các cấp độ hình thành liên tiếp và trải qua quá trình giải mã. Chiến lược nhận thức là một phương pháp giải quyết vấn đề mà người học áp dụng để thực hiện các hoạt động học tập và giúp việc tiếp thu kiến thức dễ dàng hơn (Azmi Bingol, Celik, Yidliz, & Tugrul Mart, 2014). Có hai loại chiến lược nhận thức: bottom-up (dựa vào chi tiết) và top-down (dựa vào kiến thức nền). Chiến lược bottom-up bao gồm dịch từng từ, điều chỉnh tốc độ nói, lặp lại bài nghe và tập trung vào các đặc điểm ngữ điệu của bài nghe. Chiến lược top-down bao gồm dự đoán nội dung, đoán nghĩa, giải thích nội dung và hình dung nội dung.

Chiến lược siêu nhận thức: Rubin (1988) cho rằng chiến lược siêu nhận thức là các kỹ thuật quản lý được người học sử dụng để kiểm soát việc học của mình thông qua các bước lên kế hoạch, kiểm tra, đánh giá và điều chỉnh. Chiến lược lập kế hoạch siêu nhận thức giúp người nghe xác định mục tiêu bài nghe và áp dụng các đặc điểm cụ thể của đầu vào ngôn ngữ (âm thanh) giúp việc hiểu nội dung dễ dàng hơn.

Kỹ năng siêu nhận thức được chia thành hai loại chính: kiến thức về nhận thức và điều chỉnh nhận thức. Trong đó: kiến thức về nhận thức liên quan đến việc người học ý thức được những gì đang diễn ra

trong quá trình nghe hiểu, còn điều chỉnh nhận thức: liên quan đến việc người học biết cần làm gì để nghe hiệu quả (Abdalhamid, 2012).

Chiến lược tình cảm-xã hội: Abdalhamid (2012) nhận định các chiến lược tình cảm xã hội là những kĩ thuật mà người nghe sử dụng để hợp tác với người khác, kiểm tra mức độ hiểu của bản thân và giảm bớt căng thẳng. Habte-Gabr (2006) nhấn mạnh rằng trong chiến lược tình cảm-xã hội, người học cần biết cách giảm sự lo lắng, tăng sự tự tin trong các hoạt động nghe và nâng cao động lực để cải thiện kĩ năng nghe.

4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

4.1. Câu hỏi nghiên cứu

Để xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn trong việc học kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cũng như các giải pháp để cải thiện kĩ năng nghe tiếng Anh của sinh viên, nghiên cứu tập trung trả lời hai câu hỏi: (1) Mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn trong việc học kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh như thế nào?; (2) Làm thế nào để cải thiện kĩ năng nghe của sinh viên không chuyên tiếng Anh?

4.2. Công cụ nghiên cứu

Để thu thập dữ liệu, nhóm tác giả sử dụng bảng hỏi được tham khảo và chỉnh sửa từ Bảng khảo sát của tác giả Lotfi (2012) để phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Bảng hỏi bao gồm hai phần: Phần 1 thu thập thông tin cá nhân của sinh viên. Phần 2 lấy ý kiến của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của sáu yếu tố gây khó khăn cho quá trình nghe hiểu với tổng số 40 câu, cụ thể: yếu tố *quá trình* (câu 1-12), yếu tố *đầu vào* (câu 13-21), yếu tố *người nghe* (câu 22-31), yếu tố *nhiệm vụ nghe* (câu 32-34), yếu tố *ảnh hưởng* (câu 35-38) và yếu tố *ngữ cảnh* (câu 39-40). Bảng khảo sát sử dụng giá trị trung bình (GTTB) để sắp xếp mức độ ảnh hưởng của các yếu tố trên đối với khả năng nghe hiểu. Các ý kiến của sinh viên được đo theo thang điểm Likert 5 điểm, trong đó: 0 - Hoàn toàn không đồng ý; 1 - Không đồng ý; 2 - Không ý kiến; 3 - Đồng ý; 4 - Hoàn toàn đồng ý.

Bên cạnh đó, nhóm tác giả đã tiến hành phỏng vấn giáo viên để lấy ý kiến sâu hơn phục vụ nghiên cứu. Các giáo viên trả lời hai câu hỏi liên quan tới: *vai trò của giáo viên trong việc giúp sinh viên giải quyết các khó khăn khi nghe tiếng Anh* và *đề xuất giải pháp cải thiện kĩ năng nghe cho sinh viên*.

4.3. Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu này là sinh viên không chuyên tiếng Anh của Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát 300 sinh viên không chuyên tiếng Anh đang học tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Trong đó, 150 sinh viên đang học năm thứ hai và 150 sinh viên đang học năm thứ ba tại trường. Ngoài ra, 15 giáo viên dạy tiếng Anh cho khối không chuyên tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội được mời tham gia phỏng vấn. Các giáo viên này đều có kinh nghiệm trên 5 năm trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh không chuyên. Thời gian khảo sát và phỏng vấn được thực hiện vào cuối học kỳ một năm học 2023-2024.

4.4. Thu thập dữ liệu

Để thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu gửi bảng khảo sát trực tiếp tới sinh viên tại lớp vào tuần cuối của học kỳ. Sinh viên có thời gian khoảng 30 phút để hoàn thành bảng hỏi. 100% các phiếu trả lời đã được thu về để phục vụ cho việc phân tích dữ liệu. Đối với nhóm đối tượng giáo viên cần phỏng vấn, dữ liệu được thu thập qua hình thức phỏng vấn trực tiếp.

5. Kết quả và thảo luận

5.1. Kết quả khảo sát đối với sinh viên

Bảng 5.1.1. Quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của các yếu tố gây khó khăn cho quá trình nghe hiểu

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Số câu	Tỉ lệ phần trăm		
			Hoàn toàn không đồng ý và Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý và Hoàn toàn đồng ý

1	Đầu vào (Input)	13,14,15,16,17,18,19,20,21	7.4%	1.1%	91.5%
2	Quá trình (Process)	1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12	14.1%	1.3%	84.6%
3	Người nghe (Listener)	22,23,24,25,26,27,28,29,30,31	20.5%	1.6%	77.9%
4	Nhiệm vụ (Task)	32,33,34	21.7%	2.9%	75.4%
5	Ngữ cảnh (Context)	39,40	24.3%	2.7%	73%
6	Ảnh hưởng (Affect)	35,36,37,38	26.4%	2.3%	71.3%

Bảng thống kê trên thể hiện thứ hạng mức độ ảnh hưởng của sáu yếu tố cản trở quá trình nghe hiểu của sinh viên được xếp thứ tự từ cao nhất đến thấp nhất: *đầu vào*, *quá trình*, *người nghe*, *nhiệm vụ*, *ngữ cảnh*, *ảnh hưởng*. Yếu tố *đầu vào* chiếm tỉ lệ cao nhất với 91,5% sinh viên đồng ý và hoàn toàn đồng ý rằng các khó khăn lớn nhất mà họ gặp phải liên quan tới dữ liệu nghe đầu vào. Yếu tố gây khó khăn thứ hai là *quá trình* với 84,6%. Đứng ở vị trí thứ ba là yếu tố *người nghe* chiếm 77,9%. Các yếu tố còn lại lần lượt là *nhiệm vụ* (75,4%), *ngữ cảnh* (73%) và *ảnh hưởng* (71,3%).

Dưới đây là các bảng trình bày tỉ lệ phần trăm chi tiết về quan điểm của sinh viên cho từng mục câu hỏi của sáu yếu tố gây khó khăn cho quá trình nghe hiểu. Các bảng này được trình bày theo thứ tự mức độ ảnh hưởng của sáu yếu tố từ cao nhất đến thấp nhất (theo quan điểm của sinh viên ở Bảng 5.1.1).

Bảng 5.1.2. Bảng kết quả chi tiết quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của yếu tố *đầu vào*

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Giá trị trung bình (GTTB)	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	Đầu vào (Input)						
13	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu các bài nghe có nhiều từ lạ.	3.7	0.7%	1%	0%	23.7%	74.6%
16	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu rõ khi người nói nói quá nhanh.	3.7	1%	0.7%	0%	28.6%	69.7%
20	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung của bài nghe dài.	3.7	0.7%	1%	0.7%	27.3%	70.3%
14	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu nghĩa của những từ không được phát âm rõ ràng.	3.6	1.3%	4.7%	0.3%	24.3%	69.4%
15	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu các bài nghe có các cấu trúc ngữ pháp khó.	3.6	2.3%	3.7%	0.6%	21.7%	71.7%
17	Các trọng âm và ngữ điệu lạ của tiếng Anh	3.2	7.3%	3.7%	1.3%	40.7%	47%

	gây cản trở khả năng nghe hiểu của tôi.						
18	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu bài nghe khi người nói sử dụng nhiều giọng khác nhau.	3.1	5.3%	6.7%	2.7%	39%	46.3%
21	Tôi gặp khó khăn trong việc nghe hiểu người nói có giọng không quen thuộc.	3.1	5.3%	6.3%	1.3%	43%	44%
19	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu bài nghe khi người nói không có các khoảng ngừng phù hợp.	3	7%	8.3%	3.3%	38.7%	42.7%

Từ bảng trên có thể thấy, *đầu vào* là yếu tố gây trở ngại lớn nhất cho sinh viên trong quá trình nghe. Các mục trong bảng đều có GTTB ≥ 3 . Cao nhất là các mục 13 (khó khăn trong việc hiểu các bài nghe có nhiều từ lạ), 16 (khó khăn trong việc hiểu rõ khi người nói nói quá nhanh) và 20 (khó khăn trong việc hiểu nội dung của bài nghe dài) (GTTB=3.7). Cùng đứng ở vị trí thứ hai là các mục 14 (khó khăn trong việc hiểu nghĩa của những từ không được phát âm rõ ràng) và 15 (khó khăn trong việc hiểu các bài nghe có các cấu trúc ngữ pháp khó) với GTTB=3.6.

Bảng 5.1.3. Bảng kết quả chi tiết quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của yếu tố quá trình

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Giá trị trung bình (GTTB)	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	Quá trình (Process)						
4	Khi nghe, tôi gặp khó khăn trong việc kiểm tra xem mình có hiểu đúng nghĩa của cả đoạn trong bài nghe hay không.	3.5	2.3%	3.3%	0%	33.7%	60.7%
7	Tôi gặp khó khăn trong việc tập trung vào bài nghe khi không hiểu nội dung.	3.5	3%	2%	0.6%	32.7%	61.7%
6	Khi nghe các bài tiếng Anh, tôi gặp khó khăn trong việc nắm bắt ý chính.	3.4	3.3%	2.7%	2%	38.3%	53.7%
11	Khi nghe, tôi gặp khó khăn trong việc dùng ngữ cảnh để đoán nghĩa những phần không nghe rõ.	3.4	3.3%	4.3%	1.3%	35%	56%
2	Khó khăn của tôi là kết nối những thông tin đang nghe với những gì đã nghe trước đó trong bài.	3.3	1.3%	7.3%	0.7%	42%	48.7%
8	Khi nghe, tôi khó đoán nghĩa của từ mới bằng cách	3.3	2.7%	4%	1%	41.3%	51%

	liên tưởng với những từ đã biết.						
12	Sau khi nghe, tôi thấy khó đánh giá mức độ chính xác của việc hiểu nội dung bài nghe.	3.2	8.3%	3%	1.3%	39%	48.3%
5	Tôi gặp khó khăn trong việc xác định mục đích chính của bài nghe sắp thực hiện.	3	11%	7.7%	1%	35.6%	44.7%
9	Tôi gặp khó khăn trong việc tóm tắt lại những thông tin nghe được.	2.9	6.7%	13.7%	2%	42%	35.6%
10	Khi nghe, tôi khó so sánh những gì mình nghe được với những gì mình đã biết về chủ đề này.	2.8	9.3%	11%	2.3%	43%	34.3%
1	Trước khi nghe, chỉ dựa vào hình ảnh thì tôi khó có thể đoán trước được mình sẽ nghe thấy gì.	2.7	6.7%	21.7%	1.7%	37.3%	32.7%
3	Khi nghe, tôi gặp khó khăn trong việc liên kết thông tin mới với những trải nghiệm cá nhân của mình.	2.5	10%	21%	1.3%	42.7%	25%

Các mục câu hỏi số 4, 7, 6, 11, 2 và 8 được đánh giá ở mức độ cao. Trong đó, sinh viên gặp trở ngại lớn nhất với “việc kiểm tra xem họ có hiểu đúng nghĩa của cả đoạn trong bài nghe hay không” và “việc tập trung vào bài nghe khi không hiểu nội dung” với cùng GTTB là 3.5. Các khó khăn tiếp theo là “khó khăn trong việc nắm bắt ý chính” và “khó khăn trong việc dùng ngữ cảnh để đoán nghĩa những phần không nghe rõ” (GTTB=3.4), cùng với khó khăn trong “kết nối những thông tin đang nghe với những gì đã nghe trước đó trong bài” và “khó đoán nghĩa của từ mới bằng cách liên tưởng với những từ đã biết” (GTTB=3.3). Nhìn chung, các vấn đề gây trở ngại lớn trên chiếm tỉ lệ hơn 90%. Trong khi đó, sinh viên ít gặp trở ngại với “việc liên kết thông tin mới với những trải nghiệm cá nhân” (GTTB=2.5).

Bảng 5.1.4. Bảng kết quả chi tiết quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của yếu tố người nghe

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Giá trị trung bình (GTTB)	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	Người nghe (Listener)						
30	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu bài nghe vì chưa biết áp dụng chiến lược nghe phù hợp.	3.4	2%	2.3%	0.7%	45.7%	49.3%
27	Tôi bị mất mạch của bài nói vì quá tập trung hiểu từng từ hoặc cụm từ.	3.3	5%	5.7%	1%	32.3%	56%
28	Tôi gặp khó khăn trong việc nhớ lại nội dung của một bài nghe dài.	3.3	2.3%	3.7%	1.6%	42.7%	49.7%

24	Tôi gặp khó khăn trong việc nhớ nhanh các từ hoặc cụm từ vừa nghe được.	3.2	6.3%	6.3%	2.3%	34.4%	50.7%
29	Tôi gặp khó khăn trong việc tập trung lắng nghe.	2.9	9.3%	12.3%	2.7%	34%	41.7%
26	Khi gặp từ mới, tôi thường quên mất nội dung vừa được đề cập trước đó.	2.7	14%	12.7%	1.3%	35.7%	36.3%
22	Khi cố gắng hiểu nghĩa của những từ lạ, tôi thường bỏ sót phần tiếp theo của bài nghe.	2.6	10%	19.7%	1.3%	42.7%	26.3%
25	Khi nghe, mặc dù gặp một số từ quen thuộc, tôi vẫn gặp khó khăn trong việc nhớ lại nghĩa chính xác của chúng ngay lập tức.	2.6	15%	15.7%	1.6%	34.7%	33%
23	Tôi mất nhiều thời gian để nhớ lại nghĩa của những từ nghe quen thuộc.	2.5	13%	17.3%	2%	37.3%	30.4%
31	Tôi gặp khó khăn trong việc hiểu bài nghe vì không hiểu hết tất cả các từ.	2.5	16.7%	16%	1.3%	32%	34%

Trong bảng 5.1.4, nhóm các mục có ảnh hưởng lớn nhất đến quá trình nghe của sinh viên được sắp xếp theo thứ tự giảm dần là 30 (khó khăn trong việc hiểu bài nghe vì chưa biết áp dụng chiến lược nghe phù hợp), 27 (bị mất mạch của bài nói vì quá tập trung hiểu từng từ hoặc cụm từ), 28 (khó khăn trong việc nhớ lại nội dung của một bài nghe dài) và 24 (khó khăn trong việc nhớ nhanh các từ hoặc cụm từ vừa nghe được) với GTTB từ 3.2-3.4. Các mục còn lại có mức độ ảnh hưởng ít hoặc vừa phải tới việc nghe hiểu của sinh viên với GTTB từ 2.5-2.9.

Bảng 5.1.5. Bảng kết quả chi tiết quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của yếu tố **nhiệm vụ**

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Giá trị trung bình (GTTB)	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	Nhiệm vụ (Task)						
32	Tôi gặp khó khăn với các bài nghe yêu cầu điền thông tin cụ thể, chẳng hạn như điền vào bảng, vì tôi cần ghi lại những chi tiết cụ thể từ bài nghe.	2.9	9.7%	9.3%	2.7%	38.7%	39.6%
34	Tôi gặp khó khăn trong việc trả lời các câu hỏi dạng Wh (câu hỏi có từ để hỏi) trong bài nghe.	2.9	7.3%	12%	3.7%	35.3%	41.7%
33	Tôi gặp khó khăn với các dạng bài nghe yêu cầu tổng hợp thông tin để đưa ra kết luận chung khi nghe.	2.7	9.3%	17.4%	2.3%	33%	38%

Có thể thấy với mức độ ảnh hưởng được xếp thứ tư trên tổng số sáu yếu tố gây khó khăn khi nghe của sinh viên, vấn đề về *nhiệm vụ* không phải là vấn đề quá lớn gây trở ngại cho sinh viên. Điều này có thể thấy rõ trong bảng trên, 78,3% sinh viên cho rằng họ gặp phải khó khăn “với các bài nghe yêu cầu điền thông tin cụ thể” và 77% sinh viên nhận thấy “khó khăn trong việc trả lời các câu hỏi dạng Wh (câu hỏi có từ để hỏi) trong bài nghe”. Chỉ có 71% sinh viên “gặp khó khăn với các dạng bài nghe yêu cầu tổng hợp thông tin để đưa ra kết luận chung khi nghe”.

Bảng 5.1.6. Bảng kết quả chi tiết quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của yếu tố *ngữ cảnh*

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Giá trị trung bình (GTTB)	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	Ngữ cảnh (Context)						
39	Chất lượng âm thanh kém khiến tôi khó tập trung và nắm bắt nội dung bài nghe.	2.8	9.3%	15.3%	2.4%	32.7%	40.3%
40	Âm thanh không rõ do điều kiện phòng học kém gây trở ngại cho việc nghe hiểu của tôi.	2.8	9.7%	14.3%	3%	33.3%	39.7%

Yếu tố *ngữ cảnh* là một trong những yếu tố được đánh giá thấp nhất về mức độ ảnh hưởng tới quá trình nghe hiểu của sinh viên, chiếm tỉ lệ 73%. Ngữ cảnh ở đây liên quan tới quan điểm của người học về ảnh hưởng của môi trường học tập hay điều kiện học tập đến việc hiểu bài khi nghe như chất lượng “âm thanh” hay chất lượng “phòng học” khiến người học “khó tập trung và nắm bắt nội dung khi nghe”.

Bảng 5.1.6. Bảng kết quả chi tiết quan điểm của sinh viên về mức độ ảnh hưởng của yếu tố *ảnh hưởng*

STT	Các yếu tố gây khó khăn	Giá trị trung bình (GTTB)	Hoàn toàn không đồng ý	Không đồng ý	Không ý kiến	Đồng ý	Hoàn toàn đồng ý
	Ảnh hưởng (Affect)						
37	Tôi cảm thấy lo lắng trước khi bắt đầu làm bài nghe.	2.8	13%	7%	2%	38.7%	39.3%
38	Trước khi thực hiện bài nghe hiểu, tôi lo lắng rằng mình sẽ không hiểu được nội dung bài nghe.	2.8	10.7%	12.3%	2.7%	38%	36.3%
36	Nếu không hiểu toàn bộ nội dung của bài nghe, tôi sẽ cảm thấy thất vọng.	2.6	13%	18%	2%	31.3%	35.7%
35	Việc gặp phải những phần khó hiểu khiến tôi nản chí và bỏ dở bài nghe.	2.5	14.3%	17.3%	2.4%	32%	34%

Yếu tố *ảnh hưởng* có tác động ít nhất tới việc nghe hiểu của sinh viên. Yếu tố này bao gồm bốn mục phản ánh quan điểm của người học về các vấn đề liên quan đến yếu tố cảm xúc trong khi nghe. Mức độ

lo lắng khi nghe được phản ánh ở mục 37 và 38 với GTTB=2.8, trong khi các vấn đề tiêu cực như thất vọng, nản chí khiến người học bỏ dở bài nghe được phản ánh ở mục 35 và 36 với GTTB=2.5 và 2.6.

5.2. Kết quả phỏng vấn giáo viên

Khi được hỏi về *vai trò của giáo viên trong việc giúp sinh viên giải quyết các khó khăn khi nghe tiếng Anh*, tất cả giáo viên tham gia phỏng vấn đều khẳng định giáo viên đóng vai trò vô cùng quan trọng trong việc phát triển kỹ năng nghe cũng như hỗ trợ sinh viên vượt qua các thách thức khi nghe tiếng Anh. Họ cho rằng giáo viên là người định hướng, hướng dẫn và hỗ trợ sinh viên trong quá trình nghe hiểu để đạt được hiệu quả cao nhất khi thực hành kỹ năng này. Để làm được điều này giáo viên cần áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt và sáng tạo, cung cấp tài liệu phù hợp, tạo môi trường học tập tích cực, cung cấp các chiến lược nghe hiệu quả và đánh giá thường xuyên, từ đó giúp sinh viên tự tin hơn khi nghe.

Bản về *đề xuất cải thiện kỹ năng nghe* của sinh viên, các giáo viên đưa ra một số giải pháp sau: (1) Cung cấp tài liệu nghe phù hợp với trình độ tiếng Anh của sinh viên. Tài liệu nghe nên đa dạng về chủ đề, thể loại và độ khó; (2) Thiết kế bài giảng hợp lý có lồng ghép các kiến thức liên quan tới chuyên ngành của sinh viên không chuyên một cách sáng tạo, giúp thu hút sự chú ý và khơi gợi hứng thú cho sinh viên, giảm bớt sự lo lắng khi nghe; (3) Hướng dẫn các chiến lược nghe để sinh viên nâng cao khả năng nghe hiểu, ghi nhớ thông tin chính xác, tự tin giao tiếp trong môi trường tiếng Anh; (4) Khuyến khích sinh viên thực hành luyện tập kỹ năng nghe thường xuyên để sinh viên làm chủ được các chiến lược nghe; (5) Tạo môi trường học tập tích cực, an toàn và thoải mái để sinh viên tự tin luyện tập kỹ năng nghe.

6. Một số giải pháp nhằm cải thiện kỹ năng nghe hiểu cho sinh viên

Từ việc phân tích dữ liệu khảo sát của sinh viên và phỏng vấn giáo viên, nhóm tác giả đưa ra một số đề xuất nhằm cải thiện kỹ năng nghe hiểu của người học như sau:

6.1. Xác định nguyên nhân khó khăn của sinh viên khi nghe tiếng Anh

Xác định nguyên nhân khó khăn của sinh viên khi nghe tiếng Anh là bước đầu tiên để giúp sinh viên cải thiện kỹ năng nghe. Giáo viên có thể xác định nguyên nhân dựa vào các vấn đề sau:

Kiến thức nền tảng: giáo viên cần đánh giá trình độ tiếng Anh của sinh viên, bao gồm kiến thức ngữ pháp, từ vựng và khả năng phát âm.

Kỹ năng nghe: giáo viên cần xác định những kỹ năng nghe cụ thể mà sinh viên gặp khó khăn, ví dụ như nghe để hiểu ý chính, nghe để lấy thông tin chi tiết hoặc nghe để ghi chép.

Yếu tố tâm lý: giáo viên cần quan tâm đến những yếu tố tâm lý có thể ảnh hưởng đến khả năng nghe của sinh viên, ví dụ như sự lo lắng, mất tập trung hoặc thiếu tự tin.

Việc xác định đúng nguyên nhân sẽ giúp giáo viên và các nhà phát triển giáo dục đưa ra những giải pháp phù hợp để nâng cao hiệu quả học tập của sinh viên.

6.2. Cung cấp và hướng dẫn các chiến lược nghe cho sinh viên

Lựa chọn và áp dụng chiến lược nghe phù hợp đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao hiệu quả học tập. Nhờ đó, người học không chỉ tiếp thu thông tin hiệu quả hơn, ghi nhớ nội dung tốt hơn mà còn giải quyết các yêu cầu nghe một cách chính xác. Nhóm tác giả đề xuất một số kỹ thuật và chiến lược nghe dưới đây:

Trước khi nghe: dự đoán nội dung bài nghe bằng cách sử dụng kiến thức nền tảng, tiêu đề, hình ảnh minh họa; **huy động vốn từ vựng:** xác định và ghi nhớ những từ vựng quan trọng có thể xuất hiện trong bài nghe; **đọc lướt bài tập:** đọc lướt qua các câu hỏi hoặc yêu cầu để nắm được ý chính và xác định thông tin cần tìm.

Trong khi nghe: tập trung cao độ: loại bỏ các yếu tố gây xao nhãng và tập trung hoàn toàn vào bài nghe; **ghi chép hiệu quả:** ghi chép những thông tin quan trọng theo cách ngắn gọn và dễ hiểu; **phân biệt thông tin chính phụ:** xác định những thông tin quan trọng nhất và bỏ qua những chi tiết không cần thiết.

Sau khi nghe: ôn tập bài nghe: nghe lại bài nghe và kiểm tra xem đã hiểu được đầy đủ nội dung hay chưa; **kiểm tra hiểu biết:** làm bài tập hoặc trả lời các câu hỏi liên quan đến nội dung bài nghe; **nâng cao kỹ năng nghe:** luyện tập thường xuyên với nhiều tài liệu nghe đa dạng.

Ngoài ra, người học cũng có thể áp dụng một số chiến lược nghe khác: *nghe các tài liệu phù hợp* với trình độ và chuyên ngành học, *luyện nghe chủ động* bằng cách tự đặt câu hỏi và tìm kiếm câu trả lời trong bài nghe, *thay đổi tốc độ nghe* như nghe chậm để luyện tập kỹ năng nghe chi tiết và nghe nhanh để luyện tập kỹ năng nắm bắt ý chính, *luyện nghe với nhiều giọng bản ngữ khác nhau*.

Người học nên thử nghiệm các chiến lược khác nhau để tìm ra chiến lược phù hợp nhất với bản thân. Việc áp dụng các chiến lược nghe cần có thời gian và sự kiên trì luyện tập.

6.3. Thiết kế đa dạng các bài tập nghe

Thiết kế các bài tập theo định hướng nhiệm vụ để tạo hứng thú cho người học và kích thích tư duy chủ động trong quá trình nghe. Theo Ur (1984, tr.25): “*Các bài tập nghe hiệu quả nhất nếu được xây dựng xoay quanh một nhiệm vụ. Nghĩa là, người học được yêu cầu thực hiện một hành động nào đó để phản hồi lại những gì nghe được, điều này sẽ thể hiện sự hiểu biết của họ*”. Ur cũng đưa ra một số nhiệm vụ như: bày tỏ sự đồng ý hoặc không đồng ý, ghi chú, đánh dấu hình ảnh hoặc sơ đồ theo hướng dẫn và trả lời câu hỏi. Bài tập theo định hướng nhiệm vụ vượt trội so với câu hỏi trắc nghiệm truyền thống bởi khả năng thúc đẩy người học vận dụng đa dạng kỹ năng và chiến lược nghe để hoàn thành mục tiêu chủ động.

Do đó, giáo viên cần thiết kế đa dạng các loại bài tập nghe như: nghe chọn đáp án, nghe điền từ, nghe ghi chú, nghe sắp xếp, nghe trả lời câu hỏi, nghe viết chính tả, nghe đánh giá, nghe diễn giải, nghe đóng vai, v.v. Mỗi dạng bài nghe có ưu điểm và nhược điểm riêng, phù hợp với mục đích và đối tượng học tập khác nhau. Việc lựa chọn dạng bài nghe phù hợp sẽ giúp người học rèn luyện kỹ năng nghe một cách hiệu quả nhất.

6.4. Lựa chọn giáo trình dạy nghe phù hợp

Giáo trình cung cấp cho sinh viên tài liệu và phương pháp học tập cần thiết để nâng cao khả năng nghe hiểu. Để lựa chọn giáo trình nghe phù hợp, giáo viên cần xác định mục tiêu học tập của sinh viên (phát âm, giao tiếp,...), trình độ tiếng Anh (Beginner, Pre-Intermediate, Intermediate, Advanced), yếu tố đầu vào (kiến thức ngữ pháp, chủ đề, từ vựng, ngữ âm,...), giọng đọc (Anh-Mỹ, Anh-Anh, Úc,...), định dạng (sách, audio, video,...), đánh giá và phản hồi (tham khảo đánh giá của người dùng và chọn giáo trình được đánh giá cao).

6.5. Tạo môi trường học tập tích cực cho sinh viên

Xây dựng bầu không khí thoải mái và an toàn, tạo môi trường học tập không phán xét giúp sinh viên tự tin luyện tập, tham gia và chia sẻ ý kiến. Ngoài ra, giáo viên cần cung cấp cho sinh viên nhiều tài liệu nghe phù hợp với trình độ và sở thích của họ, bao gồm bài giảng, bài hát, phim ảnh và podcast. Giáo viên cũng có thể sử dụng các hoạt động vui nhộn và tương tác để thu hút sự hứng thú của sinh viên như hoạt động nghe tập thể: nghe viết chính tả, nghe và lặp lại, kể chuyện, và thảo luận để sinh viên có cơ hội luyện tập và củng cố kỹ năng nghe. Đồng thời, giáo viên khuyến khích sinh viên luyện tập nghe thường xuyên ở nhà bằng cách sử dụng các ứng dụng học tiếng Anh hoặc các trang web cung cấp tài liệu nghe.

7. Kết luận

Kỹ năng nghe tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong việc học tập và giao tiếp hiệu quả. Việc rèn luyện kỹ năng nghe cần được quan tâm và chú trọng bởi cả người học, giáo viên và các cơ sở giáo dục. Thông qua nghiên cứu này nhóm tác giả đã tìm hiểu về mức độ ảnh hưởng các yếu tố gây khó khăn cho quá trình nghe hiểu của sinh viên không chuyên tiếng Anh tại Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội. Qua đó, một số giải pháp cải thiện kỹ năng nghe hiểu được đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả và tăng sự tự tin khi giao tiếp tiếng Anh của sinh viên. Đồng thời, nghiên cứu đề cao vai trò của giáo viên trong việc “đưa đường, chỉ lối”, hướng dẫn và cung cấp các chiến lược nghe, lựa chọn tài liệu nghe phù hợp, tạo môi trường học nghe hiệu quả cho sinh viên. Để các giải pháp trên phát huy hiệu quả, người học cần xác định đúng mục tiêu học tập, có thái độ học tập tích cực, kiên trì và nỗ lực luyện tập nghe thường xuyên. Nghiên cứu này cũng khuyến khích các nhà nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu về các chiến lược nghe tiếng Anh hiệu quả khác, phát triển các tài liệu và công cụ hỗ trợ học tập đáp ứng nhu cầu của người học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Abdalhamid, F. (2012), *Listening Comprehension Strategies of Arabic-Speaking ESL Learners*. Master's Dissertation, Department of English, Colorado State University, Fort Collins, Colorado.
2. Azmi, B. M., Celik, B., Yidliz, N., & Tugrul, M. C. (2014), *Listening Comprehension Difficulties Encountered by Students in Second language Learning Class*. Journal of Educational and Instructional Studies in the World, 4(4), 1-6.
3. Brown, H. D. (2001), *Teaching by principles: An interactive approach to language pedagogy*. New York: Longman.
4. Gu, L. (2018), *A review of the theories and principles of teaching listening and their guidance in senior high English lessons in Mainland China*. Studies in English Language Teaching, 6(1), 35.
5. Habte-Gabr, E. (2006), *The importance of socio-affective strategies in using EFL for teaching mainstream subjects*. The Journal of Humanizing Language Teaching, 8(5), 1-5.
6. Krashen, S. D. (1985), *The input hypothesis*. London: Longman. *Language in India*, 12(8), 149.
7. Lotfi, G. (2012), *A questionnaire of beliefs on English language listening comprehension problems: Development and validation*. World applied sciences journal, 16(4), 508-515.
8. Luo, C. P. (2008), *An action research plan for developing and implementing the students' listening comprehension skills*. English Language Teaching, 1(1), 25-28.
9. Nushi, M., & Orouji, F. (2020), *Investigating EFL Teachers' Views on Listening Difficulties Among Their Learners: The Case of Iranian Context*. SAGE Open, 10(2), 1-16. <https://doi.org/10.1177/2158244020917393>.
10. Rost, M. (2013), *Teaching and Researching: Listening*. London: Routledge. <https://doi.org/10.4324/9781315833705>.
11. Rubin, J. (1988), *Improving Foreign Language Listening Comprehension*. Washington DC: US Department of Education.
12. Ulum, Ö. G. (2015), *Listening: The Ignored Skill in EFL Context*. Online Submission, 2(5), 72-76.
13. Ur, P. (1984), *Teaching of English as a second or foreign language*. Cambridge: Cambridge University Press.
14. Yagang, F. (1994), *Listening: Problems and solutions. Teacher Development: Making the Right Moves*. Washington, DC: English Language Programs Divisions, USIA, 43(8), 626-636.

**The influence level of factors causing difficulties in learning listening skills
for Non-English major students at Hanoi University of Industry**

Abstract: Listening has been considered as one of the most important and difficult skills in English learning. Deficiencies in English listening skills impede communication, hinder academic and professional progress, erode self-confidence and interpersonal skills, and obstruct the comprehension of diverse fields, such as technical fields relevant to engineering students. This study endeavors to explore the influence level of factors causing difficulties in learning listening skills encountered by non-English major students at Hanoi University of Industry. The study then proposes several solutions to support students in improving their English listening skills, and enhancing their English communication abilities.

Key words: English listening skills; non-English major students; the influence level of factors; difficulties; solutions.